

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHẢI CÓ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 2 năm 2008 của Chính phủ)

**LIST OF PROJECTS FOR WHICH AN ENVIRONMENTAL
IMPACT ASSESSMENT REPORT MUST BE PREPARED**

(Issued with Decree 21-2008-ND-CP of the Government dated 28 February 2008)

TT	Dự án	Quy mô
No.	PROJECT	SCALE
1	Dự án, công trình quan trọng quốc gia trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư theo Nghị quyết số 66/2006/NQ-QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Quốc hội National important projects and works for which the National Assembly makes the investment decision in principle pursuant to Resolution 66-2006-NQ11 of the National Assembly dated 29 June 2006.	Tất cả All
2	Dự án có sử dụng một phần hoặc toàn bộ diện tích đất khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, các khu di tích lịch sử - văn hóa, di sản thế giới, khu dự trữ sinh quyển, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc chưa được xếp hạng nhưng được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định bảo vệ Projects using part or all of the land of a natural conservation zone, national park, historical and cultural site, world heritage site, ecosphere reserve zone or scenic site which is classified, or which is not yet classified but is the object of a protection decision made by a people's committee of a province or city under central authority.	Tất cả All
3	Dự án có nguy cơ ảnh hưởng xấu trực tiếp đến nguồn nước lưu vực sông, vùng ven biển, vùng có hệ sinh thái được bảo vệ Projects with a potentially direct adverse impact on a river watercourse, coastal area or area containing a protected ecosystem.	Tất cả All

Nhóm các dự án về xây dựng Group of construction projects		
4	Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng khu đô thị, khu dân cư Projects for the construction of infrastructure of an urban zone [and/or] residential zone.	Có diện tích từ 50 ha trở lên Area of 50 or more hectares.
5	Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu chế xuất, cụm làng nghề Projects for the construction of infrastructure of an industrial zone, high-tech zone, industrial group, export processing zone or handicraft village group.	Tất cả All
6	Dự án xây dựng siêu thị, chợ Projects for the construction of a supermarket [and/or] market.	Từ 200 điểm kinh doanh trở lên With 200 or more trading stalls.
7	Dự án xây dựng trung tâm thể thao Projects for the construction of a sports centre.	Diện tích từ 10 ha trở lên Area of 10 or more hectares.
8	Dự án xây dựng bệnh viện Projects for the construction of a hospital.	Từ 50 giường bệnh trở lên With 50 or more patient beds.
9	Dự án xây dựng khách sạn, nhà nghỉ Projects for the construction of a hotel [and/or] boarding house	Từ 100 phòng nghỉ trở lên With 100 or more guest rooms.
10	Dự án xây dựng khu du lịch, vui chơi giải trí Projects for the construction of a tourism [and/or] entertainment zone.	Diện tích từ 10 ha trở lên Area of 10 or more hectares.
11	Dự án xây dựng cơ sở dịch vụ du lịch (gồm cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất) tại các khu vực ven biển, trên các đảo Projects for the construction of a tourism services establishment (comprising infrastructure and material facilities) in a coastal area or on an island.	Lượng nước thải từ 1.000 m³/ngày đêm trở lên With 1,000 cubic meters or more of waste water per 24 hours.
12	Dự án xây dựng sân golf Projects for the construction of a golf course.	Từ 18 lỗ trở lên With 18 or more holes.
13	Dự án xây dựng nghĩa trang (theo hình thức hung táng, hỏa táng và hình thức khác) Projects for the construction of a cemetery (in the form of burial plots, crematorium or other forms).	Tất cả All
14	Dự án xây dựng công trình ngầm Projects for the construction of underground works.	Tất cả All

15	Dự án xây dựng có tầng hầm Projects for the construction of works with underground levels.	Tầng hầm sâu từ 10 m trở lên With an underground depth of 10 meters or more.
16	Dự án xây dựng công trình chiến đấu, trung tâm huấn luyện quân sự, trường bắn, cảng quốc phòng Projects for the construction of a military and military training works and/or defence port.	Tất cả All
17	Dự án xây dựng kho tàng quân sự Projects for the construction of a military store.	Tất cả All
18	Dự án xây dựng khu kinh tế quốc phòng Projects for the construction of a defence economic zone.	Tất cả All
19	Dự án xây dựng trại giam, trại tạm giam Projects for the construction of a prison or detention centre.	Tất cả All

Nhóm các dự án sản xuất vật liệu xây dựng

Group of projects for manufacture of building materials

20	Dự án sản xuất xi măng Projects for manufacturing cement.	Công suất thiết kế từ 300.000 tấn xi măng/năm trở lên Design output capacity of from 300,000 tons of cement or more per year.
21	Dự án để nghiền clinker sản xuất xi măng Projects for crushing clinker for the manufacture of cement.	Công suất thiết kế từ 1.000.000 tấn xi măng/năm trở lên Design output capacity of from 1 million tons or more of cement per year.
22	Dự án sản xuất gạch, gói Projects for manufacturing bricks [and/or] tiles.	Công suất thiết kế từ 10.000.000 viên quy chuẩn /năm trở lên Design output capacity of from 10 million or more standard bricks or tiles per year.
23	Dự án sản xuất vật liệu xây dựng khác Projects for manufacturing other building materials.	Công suất thiết kế từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 10,000 tons or more of product per year.

Nhóm các dự án về giao thông

Group of traffic projects

24	Dự án xây dựng công trình giao thông ngầm	Chiều dài từ 500 m trở lên
----	---	----------------------------

	(đường xe điện ngầm, đường hầm) Projects for construction of underground traffic works (tramways or roads).	Length 500m or more.
25	Dự án xây dựng đường ô tô cao tốc, đường ô tô từ cấp I đến cấp III Projects for the construction of a freeway, or of a Level I, II or III highway.	Tất cả All
26	Dự án cải tạo, nâng cấp đường ô tô cao tốc, đường ô tô từ cấp I đến cấp III Projects for the upgrade or improvement of a freeway, or of a Level I, II or III highway.	Chiều dài từ 50 km trở lên Length 50 km or more.
27	Dự án xây dựng đường ô tô cấp IV Projects for the construction of a Level IV highway.	Chiều dài từ 100 km trở lên Length 100 km or more.
28	Dự án xây dựng đường sắt Projects for the construction of railways.	Chiều dài từ 50 km trở lên Length 50 km or more
29	Dự án xây dựng đường sắt trên cao Projects for the construction of overhead rail lines.	Tất cả All
30	Dự án xây dựng cáp treo Projects for the construction of cable car rails	Chiều dài từ 500 m trở lên Length 500m or more.
31	Dự án xây dựng các cầu vĩnh cửu trên đường bộ, đường sắt Projects for the construction of a permanent bridge above a road [and/or] railway.	Chiều dài từ 200 m trở lên (không kể đường dẫn) Length 200m or more (excluding approaches).
32	Dự án xây những công trình giao thông Projects for the construction of road works.	Đòi hỏi tái định cư từ 1.000 người trở lên Requiring resettlement of 1,000 or more people.
33	Dự án xây dựng cảng sông, cảng biển Projects for the construction of a river port or seaport.	Tiếp nhận tàu trọng tải từ 1.000 DWT trở lên For ships of a tonnage of 1,000 DWT or more.
34	Dự án xây dựng cảng cá Projects for the construction of a fishing port.	Tiếp nhận tàu cá ra vào từ 100 lượt/ngày trở lên With 100 or more fishing vessels per day.
35	Dự án xây dựng cảng hàng không, sân bay Projects for the construction of an airport.	Tất cả All
36	Dự án xây dựng bến xe khách Projects for the construction of a passenger vehicle depot.	Diện tích từ 0,5 ha trở lên Covering an area of 0.5 or more hectares.
37	Dự án sản xuất bê tông nhựa nóng Projects for manufacturing asphalt or	Công suất thiết kế từ 30.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from

	bituminous concrete.	30,000 tons or more of product per year.
Nhóm các dự án về năng lượng, phóng xạ Group of energy and radioactivity projects		
38	Dự án xây dựng lò phản ứng hạt nhân Projects for the construction of a nuclear reactor.	Tất cả All
39	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có sử dụng chất phóng xạ hoặc phát sinh chất thải phóng xạ Projects for the construction of a manufacturing, business or services establishment using or emitting radioactive substances.	Tất cả All
40	Dự án điện nguyên tử, điện nhiệt hạch Nuclear power plant project or a thermo-nuclear power plant project	Tất cả All
41	Dự án nhiệt điện Thermo-electric plant projects.	Công suất thiết kế từ 30 MW trở lên Output capacity of 30 MW or more.
42	Dự án phong điện (sản xuất điện bằng sức gió) Wind power projects (producing power by wind energy).	Diện tích từ 100 ha trở lên Covering an area of 100 or more hectares.
43	Dự án quang điện (điện mặt trời) Photoelectric projects (solar energy).	Diện tích từ 100 ha trở lên Covering an area of 100 or more hectares.
44	Dự án thủy điện Hydro-electric projects.	Hồ chứa có dung tích từ 300.000 m ³ nước trở lên Reservoir capacity of 300,000 cubic meters or more of water.
45	Dự án xây dựng tuyến đường dây tải điện cao áp Projects for construction of high-pressure power lines.	Chiều dài từ 100 km trở lên Length of 100k or more.
46	Dự án sản xuất dây, cáp điện Projects for the manufacture of electricity wiring or cabling.	Công suất từ 2000 tấn nhôm/năm trở lên (hoặc tương đương) Output capacity of from 2,000 tons or more of aluminium per year.
Nhóm các dự án điện tử, viễn thông		

Group of electronics and telecommunications projects		
47	Dự án xây dựng trạm phát, trạm thu - phát vô tuyến Projects for construction of a television transmission or transmission and reception station.	Công suất thiết kế từ 2 KW trở lên Design output capacity of from 2 KW or more.
48	Dự án sản xuất các thiết bị điện, điện tử Projects for manufacturing electrical [and/or] electronic equipment.	Công suất thiết kế từ 10.000 thiết bị/năm trở lên Design output capacity of from 10,000 items of equipment per year.
49	Dự án sản xuất linh kiện điện, điện tử Projects for manufacturing electrical [and/or] electronic components.	Công suất thiết kế từ 500 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 500 tons or more of product per year.
50	Dự án xây dựng tuyến viễn thông Projects for the construction of a telecommunications route.	Chiều dài từ 100 km trở lên Length 100 km or more.
51	Dự án sản xuất cáp viễn thông Projects for the manufacture of telecommunications cabling.	Tất cả All
Nhóm các dự án về thủy lợi, khai thác và trồng rừng		
Group of projects for irrigation, and for exploitation and planting of forests		
52	Dự án công trình hồ chứa nước, hồ thủy lợi Projects for the construction of a reservoir lake or irrigation reservoir.	Dung tích hồ chứa từ 300.000m ³ nước trở lên Reservoir capacity of 300,000 cubic meters or more of water.
53	Dự án công trình thủy lợi Projects for irrigation works.	Bao phủ diện tích từ 200 ha trở lên Covering an area of 200 or more hectares.
54	Dự án lấn biển Projects for sea land recovery.	Tất cả All
55	Dự án kè bờ sông, bờ biển Projects for a sea wall or river dyke.	Có chiều dài từ 1.000 m trở lên Length of 1,000m or more
56	Dự án có khai thác hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ chắn sóng, rừng đặc dụng Projects using land or converting the land use purpose of a protective forest in a catchment area, estuary or coastal area, or using land of a specialized use forest.	Diện tích từ 5 ha trở lên Area of 5 or more hectares.

57	Dự án có khai thác hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng tự nhiên Projects using land or converting the land use purpose of a natural forest	Diện tích từ 20 ha trở lên Area of 20 or more hectares.
58	Dự án trồng rừng và khai thác rừng Projects for planting and exploiting forest.	Trồng rừng diện tích từ 1.000 ha trở lên; khai thác rừng diện tích 200 ha trở lên Planting area of 1,000 or more hectares; exploitation area of 200 or more hectares
59	Dự án xây dựng vùng trồng cây công nghiệp tập trung: cao su, sắn, mía, cà phê, ca cao, chè, hồ tiêu Projects for the construction of a concentrated industrial plantation area for rubber, tapioca, sugarcane, coffee, cocoa, tea [or] pepper.	Diện tích từ 100 ha trở lên Area of 100 or more hectares.
60	Dự án xây dựng vùng trồng rau, hoa tập trung Projects for the construction of a market garden (vegetables and flowers).	Diện tích từ 100 ha trở lên Area of 100 or more hectares.

Nhóm các dự án về khai thác khoáng sản

Group of projects for mining minerals

61	Dự án khai thác khoáng sản (trên đất liền) làm vật liệu xây dựng Projects for mining minerals (on dry land) to use as building materials	Công suất khai thác từ 50.000 m ³ vật liệu/năm trở lên Mining output capacity of 50,000 cubic meters or more of materials per year
62	Dự án khai thác khoáng sản làm vật liệu san lấp mặt bằng Projects for mining minerals to use as levelling and filling materials.	Công suất khai thác từ 100.000 m ³ vật liệu/năm trở lên Mining output capacity of 100,000 cubic meters or more of materials per year
63	Dự án khai thác, nạo vét tận thu khoáng sản lòng sông làm vật liệu xây dựng Projects for mining, dredging and gathering building materials from a riverbed.	Công suất từ 50.000 m ³ vật liệu/năm trở lên Design output capacity of 50,000 cubic meters or more of materials per year
64	Dự án khai thác khoáng sản rắn (không sử dụng hóa chất) Projects for mining solid minerals (not using chemicals).	Có khối lượng mỏ (bao gồm khoáng sản và đất đá thải) từ 100.000 m ³ /năm trở lên With a mined volume (minerals plus gravelly soil) of 100,000 cubic meters or more per year.
65	Dự án khai thác, chế biến khoáng sản rắn có chứa các chất độc hại hoặc có sử dụng hóa	Tất cả

	chất Projects for mining or processing solid minerals containing or using toxic chemicals	All
66	Dự án chế biến khoáng sản rắn Projects for processing solid minerals. Design output capacity of from 50,000 tons or more of product per year	- Công suất thiết kế từ 50.000 tấn sản phẩm/năm trở lên - Có lượng đất đá thải ra từ 500.000 tấn/năm trở lên đối với tuyển than - Design capacity of from 50,000 tons or more of product per year - A volume of 500,000 tons or more of discharged earth and rock per year, for coal sorting
67	Dự án khai thác nước dưới đất Projects for exploitation of underground water.	Công suất khai thác từ 10.000 m ³ nước/ngày đêm trở lên Mining output capacity of from 10,000 cubic meters per 24 hours
68	Dự án khai thác nước khoáng thiên nhiên (dưới đất hoặc lộ ra trên mặt đất) để đóng chai Projects for exploitation of natural mineral water (underground or pumped onto the surface) for bottling	Công suất khai thác từ 120 m ³ nước/ngày đêm trở lên Mining output capacity of from 120 cubic meters per 24 hours
69	Dự án khai thác nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên (dưới đất hoặc lộ ra trên mặt đất) để làm dịch vụ (tắm, chữa bệnh và các mục đích khác) Projects for exploitation of natural mineral water or thermal water (underground or pumped onto the surface) for use in services such as bathing, medical treatment, or other uses	Công suất khai thác từ 500 m ³ nước/ngày đêm trở lên Mining output capacity of from 500 cubic meters per 24 hours
70	Dự án khai thác nước mặt Projects for exploitation of surface water	Công suất khai thác từ 50.000 m ³ nước/ngày đêm trở lên Mining output capacity of from 50,000 cubic meters per 24 hours
Nhóm các dự án về dầu khí		
Group of petroleum projects		
71	Dự án khai thác dầu, khí Projects for mining petroleum and gas	Tất cả All
72	Dự án lọc hóa dầu (trừ các dự án chiết nạp LPG, pha chế dầu nhờn)	Tất cả

	Petrochemical refinery projects (except for projects for filling LPG or for preparing lubricants)	All
73	Dự án sản xuất sản phẩm hóa dầu (chất hoạt động bề mặt, chất hóa dẻo, metanol) Projects for manufacture of petroleum products (surfactants, plasticisers and methanol products)	Tất cả All
74	Dự án xây dựng tuyến đường ống dẫn dầu, khí Projects for construction of petroleum and gas pipelines	Tất cả All
75	Dự án kho xăng dầu Projects for petrol and oil storage	Dung tích chứa từ 1.000 m ³ trở lên Capacity of 1,000 cubic meters or more
76	Dự án xây dựng khu trung chuyển dầu, khí Projects for construction of petroleum and gas storehouse zones	Tất cả All

Nhóm các dự án về xử lý chất thải

Group of waste treatment projects

77	Dự án tái chế, xử lý chất thải rắn các loại Projects for all types of solid waste recycling and treatment	Tất cả All
78	Dự án xây dựng bãi chôn lấp chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại Projects for the construction of disposal plants for industrial and toxic waste	Tất cả All
79	Dự án xây dựng bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt Projects for the construction of disposal plants for domestic waste	Quy mô từ 500 hộ dân trở lên hoặc quy mô cấp huyện For 500 or more family households, or at the district level
80	Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung không nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, cụm làng nghề Projects for the construction of a concentrated industrial water waste treatment system outside an industrial zone, high-tech zone, export processing zone, industrial group or handicraft village group	Tất cả All
81	Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung	Công suất thiết kế từ 1.000 m ³ nước thải/ngày đêm trở lên

	Projects for the construction of a concentrated domestic water waste treatment system	Design output capacity of 1,000 cubic meters or more of waste water per 24 hours
82	Dự án thu mua và sơ chế phế liệu (kể cả phế liệu nhập khẩu) Projects for collection and processing of scrap (including imported scrap)	Công suất thiết kế từ 3.000 tấn/năm Design output capacity of from 3,000 tons per year
83	Dự án vệ sinh súc rửa tàu (các loại) Projects for the hygienic rinsing and cleaning of all types of ships	Tất cả All
84	Dự án phá dỡ tàu cũ (các loại) Projects for scrapping all types of old ships	Tất cả All
Nhóm các dự án về cơ khí, luyện kim		
Group of mechanical engineering and metallurgical projects		
85	Dự án luyện kim đen, luyện kim màu Projects for smelting ferrous metal [and/or] nonferrous metal	Công suất thiết kế từ 3.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of 3,000 tons of product per year
86	Dự án cán thép Projects for rolling steel	Công suất thiết kế từ 5.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of 5,000 tons of product per year
87	Dự án đóng mới, sửa chữa tàu thủy Projects for construction of new ships [and/or] for repairing ships	Tàu trọng tải từ 1.000 DWT trở lên Ships of a tonnage of 1,000 DWT or more
88	Dự án đóng mới, sửa chữa, lắp ráp đầu máy toa xe, ô tô Projects for building new, repairing and assembling locomotives, train carriages and automobiles	Công suất thiết kế từ 500 phương tiện/năm trở lên Design output capacity of 500 or more vehicles per year
89	Dự án sản xuất, lắp ráp, sửa chữa xe máy Projects for manufacturing, assembling and repairing motorbikes	Công suất thiết kế từ 10.000 phương tiện/năm trở lên Design output capacity of 10,000 or more vehicles per year
90	Dự án cơ khí, chế tạo máy móc, thiết bị Engineering projects for manufacturing machinery and equipment	Công suất thiết kế từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 1,000 tons or more of product per year
91	Dự án mạ, phun phủ và đánh bóng kim loại Projects for plating, spraying and polishing metals	Công suất thiết kế từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 1,000 tons or more of product

92	Dự án sản xuất nhôm định hình Projects for manufacturing shaped aluminium	per year Công suất thiết kế từ 2.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 2,000 tons or more of product per year
93	Dự án sản xuất, sửa chữa vũ khí, khí tài, trang thiết bị kỹ thuật quân sự Projects for manufacturing and repairing military weapons, ammunition and technical equipment	Tất cả All
Nhóm các dự án chế biến gỗ, sản xuất thủy tinh, gốm sứ		
Group of projects for wood processing, and manufacture of glass and ceramics		
94	Dự án chế biến gỗ Projects for processing timber	Công suất thiết kế từ 5.000 m ³ /năm trở lên Design output capacity of 5,000 square meters or more per year
95	Dự án sản xuất ván ép Projects for manufacturing plywood	Công suất thiết kế từ 100.000 m ² /năm trở lên Design output capacity of 100,000 square meters or more per year
96	Dự án sản xuất đồ mộc gia dụng Projects for manufacturing household furniture	Công suất thiết kế từ 10.000 sản phẩm/năm trở lên Projects for manufacturing household furniture
97	Dự án sản xuất hàng mỹ nghệ Projects for producing fine art goods	Công suất thiết kế từ 1.000.000 sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 1 million or more products per year
98	Dự án sản xuất thủy tinh, gốm sứ Projects for manufacturing glass and ceramics	Công suất thiết kế từ 1.000.000 sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of 1 million or more products per year
99	Dự án sản xuất sứ vệ sinh Projects for manufacturing sanitary ware	Công suất thiết kế từ 10.000 sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of 100,000 or more products per year
100	Dự án sản xuất gạch men Projects for manufacturing glazed tiles	Công suất thiết kế từ 1.000.000 m ² /năm trở lên Design output capacity of 1 million square meters or more per year

101	Dự án sản xuất bóng đèn, phích nước Projects for manufacturing light bulbs and thermos flasks	Công suất thiết kế từ 1.000.000 sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of 1 million or more products per year
Nhóm các dự án chế biến thực phẩm, nước giải khát Group of projects for processing foodstuffs and beverages		
102	Dự án chế biến thực phẩm Projects for processing foodstuffs	Công suất thiết kế từ 5.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 5,000 tons or more of product per year
103	Dự án giết mổ gia súc, gia cầm Projects for slaughtering livestock [and/or] poultry [abattoir projects]	Công suất thiết kế từ 1.000 gia súc/ngày trở lên; 10.000 gia cầm/ngày trở lên Design output capacity of from 1,000 head of livestock per day; design output capacity of from 10,000 head of poultry per day
104	Dự án chế biến thủy sản Projects for processing seafood	Công suất thiết kế từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 1,000 tons or more of product per year
105	Dự án sản xuất đường Projects for manufacturing sugar	Công suất thiết kế từ 20.000 tấn đường/năm trở lên Design output capacity of from 20,000 tons or more of sugar per year
106	Dự án sản xuất cồn, rượu Projects for producing alcohol [and/or] wine	Công suất thiết kế từ 100.000 lít sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 100,000 litres of product per year
107	Dự án sản xuất bia, nước giải khát Projects for producing beer [and/or] soft drink	Công suất thiết kế từ 500.000 lít sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 500,000 litres of product per year
108	Dự án sản xuất bột ngọt Projects for manufacturing MSG [monosodium glutamate]	Công suất thiết kế từ 5.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 5,000 tons or more of product per year
109	Dự án chế biến sữa Projects for processing milk	Công suất thiết kế từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from

		10,000 tons or more of product per year
110	Dự án chế biến dầu ăn Projects for processing cooking oil	Công suất thiết kế từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 10,000 tons or more of product per year.
111	Dự án sản xuất bánh, kẹo Projects for producing cakes and confectionery	Công suất thiết kế từ 5.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 5,000 tons or more of product per year
112	Dự án sản xuất nước đá Projects for manufacturing ice	Công suất thiết kế từ 3000 cây đá/ ngày đêm (loại 50 kg/cây) hoặc từ 150.000 kg nước đá/ngày đêm trở lên Design output capacity of from 3,000 or more blocks (50 kg per block), or 150,000 kilograms or more of ice per 24 hours
Nhóm các dự án chế biến nông sản		
Group of agricultural processing projects		
113	Dự án sản xuất thuốc lá Projects for manufacturing tobacco	Công suất thiết kế từ 30.000 bao/năm trở lên Design output capacity of from 30,000 packs per year
114	Dự án chế biến nguyên liệu thuốc lá Projects for processing tobacco raw materials	Công suất thiết kế từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 1,000 tons or more of product per year
115	Dự án chế biến nông sản ngũ cốc Projects for processing agricultural produce being cereals	Công suất thiết kế từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 10,000 tons or more of product per year
116	Dự án xay xát, chế biến gạo Projects for grinding, pounding and processing rice	Công suất thiết kế từ 20.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 20,000 tons or more of product per year
117	Dự án chế biến tinh bột sắn Projects for processing refined manioc flour	Công suất thiết kế từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from

	[cassava]	1,000 tons or more of product per year
118	Dự án chế biến hạt điều Projects for processing cashew nuts	Công suất thiết kế từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 10,000 tons or more of product per year
119	Dự án chế biến chè Projects for processing tea	Công suất thiết kế từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 10,000 tons or more of product per year
120	Dự án chế biến cà phê Projects for processing coffee	Công suất thiết kế từ 5.000 tấn sản phẩm/năm trở lên đối với phương pháp chế biến ướt; từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên đối với phương pháp chế biến khô; từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên đối với chế biến cà phê bột, cà phê hòa tan Design output capacity of from 5,000 tons or more of product per year for the wet processing method; of from 10,000 tons or more of product per year for the dry processing method; and of from 1,000 tons or more of product per year for processing coffee powder [and/or] soluble coffee

Nhóm các dự án chế biến và chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản

Group of projects for breeding and processing livestock, poultry and seafood

121	Dự án chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn thủy sản Projects for processing feed for poultry, livestock and aquaculture products	Công suất thiết kế từ 5.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 5,000 tons or more of product per year
122	Dự án chế biến phụ phẩm thủy sản Projects for processing seafood product additives	Công suất thiết kế từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 1,000 tons or more of product per year
123	Dự án chế biến bột cá Projects for processing fish powder	Công suất thiết kế từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên

		Design output capacity of from 1,000 tons or more of product per year
124	Dự án nuôi trồng thủy sản (thâm canh/bán thâm canh) Projects for intensive or semi-intensive seafood [aquaculture] farming	Diện tích mặt nước từ 10 ha trở lên Water surface area of 10 or more hectares
125	Dự án nuôi trồng thủy sản quảng canh Projects for extensive seafood [aquaculture] farming	Diện tích mặt nước từ 50 ha trở lên Water surface area of 50 or more hectares
126	Dự án nuôi trồng thủy sản trên cát Projects for seafood [aquaculture] farming on sand	Tất cả All
127	Dự án chăn nuôi gia súc tập trung Projects for concentrated livestock farming	Từ 1.000 đầu gia súc trở lên With 1,000 or more head of livestock
128	Dự án chăn nuôi gia cầm tập trung Projects for concentrated poultry farming	Từ 20.000 đầu gia cầm trở lên; đối với đà điểu từ 200 con trở lên; đối với chim cút từ 100.000 con trở lên With 20,000 or more head of poultry; for ostrich farming, 200 or more animals; for quail farming, 100,000 or more birds

Nhóm dự án sản xuất phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật

Group of projects for manufacture of chemical fertilizer, and plant protection agents

129	Dự án sản xuất phân hóa học Projects for manufacturing chemical fertilizer	Công suất thiết kế từ 2.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 2,000 tons or more of product per year
130	Dự án kho hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật Projects for chemicals' [and/or] plant protection agents' storage	Sức chứa từ 2 tấn trở lên Storage capacity of from 2 tons or more
131	Dự án sản xuất thuốc bảo vệ thực vật Projects for manufacturing plant protection agents	Tất cả All
132	Dự án sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật Projects for bottling or packaging plant protection agents	Công suất thiết kế từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 1,000 tons or more of product per year.

133	Dự án sản xuất phân hữu cơ, phân vi sinh rojects for manufacturing organic fertilizer	Công suất thiết kế từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 1,000 tons or more of product per year
Nhóm các dự án về hóa chất, dược phẩm, mỹ phẩm		
Group of chemicals, pharmaceutical drugs and cosmetics projects		
134	Dự án sản xuất dược phẩm Projects for manufacturing pharmaceutical products	Công suất thiết kế từ 50 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 50 tons or more of product per year
135	Dự án sản xuất vắc xin Projects for manufacturing vaccines	Tất cả All
136	Dự án sản xuất thuốc thú y Projects for manufacturing veterinary medicines	Công suất thiết kế từ 50 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 50 tons or more of product per year
137	Dự án sản xuất hóa mỹ phẩm Projects for manufacturing cosmetics chemicals	Công suất thiết kế từ 50 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 50 tons or more of product per year
138	Dự án sản xuất chất dẻo, các sản phẩm từ chất dẻo Projects for manufacturing plastics and plastic products	Công suất thiết kế từ 500 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 500 tons or more of product per year
139	Dự án sản xuất bao bì nhựa Projects for manufacturing plastic bags	Công suất thiết kế từ 2.000.000 sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 2 million products or more per year
140	Dự án sản xuất sơn, hóa chất cơ bản Projects for manufacturing paint [and/or] basic chemicals	Công suất thiết kế từ 500 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 500 tons or more of product per year
141	Dự án sản xuất chất tẩy rửa, phụ gia Projects for manufacturing washing detergents [or] additives	Công suất thiết kế từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 1,000 tons or more of product per year
142	Dự án sản xuất thuốc phóng, thuốc nổ, hỏa cụ	Tất cả

	Projects for manufacturing propellant explosive, detonating explosive [and/or] fire equipment	All
143	Dự án sản xuất thuốc nổ công nghiệp Projects for manufacturing industrial explosives	Tất cả All
144	Dự án sản xuất muối Projects for salt mining	Diện tích từ 100 ha trở lên Covering an area of 100 or more hectares
Nhóm các dự án sản xuất giấy và văn phòng phẩm		
Group of projects for manufacture of paper and stationery		
145	Dự án sản xuất bột giấy và giấy (từ nguyên liệu) Projects for manufacturing pulp and paper (from raw materials)	Công suất thiết kế từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 1,000 tons or more of product per year
146	Dự án sản xuất giấy từ bột giấy, tái chế Projects for manufacturing paper from pulp and recycled paper	Công suất thiết kế từ 5.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 5,000 tons or more of product per year
147	Dự án sản xuất văn phòng phẩm Projects for producing stationery	Công suất thiết kế từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 1,000 tons or more of product per year
Nhóm các dự án về dệt nhuộm và may mặc		
Group of fabrics and clothing projects		
148	Dự án dệt có nhuộm Textile and dyeing projects	Tất cả All
149	Dự án dệt không nhuộm Textile (without dyeing) projects	Công suất thiết kế từ 10.000.000 m vải/năm trở lên Output capacity of from 100 million metres or more of cloth per year
150	Dự án sản xuất và gia công các sản phẩm may mặc có công đoạn giặt tẩy Projects for manufacturing and processing clothing products with a stage of washing by hand	Công suất thiết kế từ 50.000 sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 50,000 products or more per year
151	Dự án sản xuất và gia công các sản phẩm may mặc không có công đoạn giặt tẩy	Công suất thiết kế từ 2.000.000 sản phẩm/năm trở lên

	Projects for manufacturing and processing clothing products without a stage of washing by hand	Design output capacity of from 2 million products or more per year
152	Dự án giặt là công nghiệp Projects for industrial washing and ironing	Công suất thiết kế từ 50.000 sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 50,000 products or more per year
153	Dự án sản xuất sợi tơ tằm và sợi nhân tạo Projects for producing silk thread and artificial thread	Công suất thiết kế từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 1,000 tons or more of product per year
Nhóm các dự án khác		
Group of other projects		
154	Dự án chế biến mủ cao su Projects for processing rubber latex	Công suất thiết kế từ 5.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 5,000 tons or more of product per year
155	Dự án chế biến cao su Projects for processing rubber	Công suất thiết kế từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 1,000 tons or more of product per year
156	Dự án sản xuất giày dép Projects for manufacturing footwear	Công suất thiết kế từ 1.000.000 sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 1 million products or more per year
157	Dự án sản xuất săm lốp cao su các loại Projects for manufacturing all types of rubber tyres	Công suất thiết kế từ 50.000 sản phẩm/năm trở lên đối với ô tô, máy kéo; từ 100.000 sản phẩm/năm trở lên đối với xe đạp, xe máy Design output capacity of from 50,000 tons or more of product per year for automobile and tractor tyres; and design output capacity of from 100,000 tons or more of product per year for bicycle and motorbike tyres
158	Dự án sản xuất ắc quy, pin Projects for manufacturing batteries	Công suất thiết kế từ 50.000 KWh/năm trở lên hoặc từ 100 tấn sản phẩm/năm trở lên

		Design output capacity of from 50,000 KWh or more per year, or from 100 tons or more of product per year
159	Dự án thuộc da Projects for tanning [leather]	Tất cả All
160	Dự án sản xuất ga CO ₂ chiết nạp hóa lỏng Projects for manufacturing oxygen gas for filling LPG	Công suất thiết kế từ 3.000 tấn sản phẩm/năm trở lên Design output capacity of from 3,000 tons or more of product per year
161	Dự án sản xuất các thiết bị, sản phẩm chữa cháy Projects for manufacturing fire extinguishing equipment and products	Tất cả All
162	Dự án khác, cải tạo, nâng cấp, mở rộng Other upgrading, improvement and extension projects	Có tính chất, quy mô, công suất tương đương với dự án thứ tự từ 1 đến 161 trừ dự án số 25 và 26 của Phụ lục này) Equivalent nature, scale and output to projects numbered 1 to 161 (excluding projects numbered 25 and 26)